

Từ nay, đối với những đơn vị không chấp hành chế độ quản lý này, gây tổn thất cho Nhà nước, cần xử trị thích đáng.

Hà nội, ngày 12 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 296-TTg ngày 13.6.1958
quy định tạm thời hệ thống cơ quan
quản lý thủ công nghiệp và công
ng nghiệp tư bản tư doanh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội thương;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Đề tăng cường công tác quản lý và cải tạo thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh,

Nay tạm thời quy định hệ thống cơ quan quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh như sau.

Điều 2. — Hệ thống cơ quan quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh gồm có:

— Ở Bộ Nội thương: Cục Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

— Ở các thành phố trực thuộc trung ương: Sở Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

— Ở các tỉnh có nhiều cơ sở thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh: Ty Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

— Ở các tỉnh khác: một Phòng trong Ty Công thương tỉnh lấy tên là Phòng Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh. Ở tỉnh nào có ít cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh, thì gọi là Phòng Quản lý thủ công nghiệp. Cơ quan Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh ở các huyện, quận, thị xã, xã, thị trấn, khu phố sẽ do Bộ Nội thương và Bộ Nội vụ quy định.

Điều 3. — Cục Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh có nhiệm vụ giúp Bộ Nội thương:

— Điều tra tình hình thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh, nghiên cứu các chủ trương và biện pháp quản lý và cải tạo thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

— Chỉ đạo việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Chính phủ để quản lý và cải tạo thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

Điều 4. — Các Sở, Ty, Phòng Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh có nhiệm vụ giúp Ủy ban Hành chính:

— Điều tra tình hình thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh ở địa phương.

— Nghiên cứu kế hoạch sản xuất của địa phương và hướng dẫn, giúp đỡ thủ công nghiệp, công nghiệp tư bản tư doanh ở địa phương sản xuất theo kế hoạch.

— Thực hiện những chủ trương và biện pháp quản lý và cải tạo thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh.

Điều 5. — Các cơ quan Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh ở địa phương chịu sự lãnh đạo của Ủy ban Hành chính cùng cấp, đồng thời với sự lãnh đạo của hệ thống dọc cũng như các cơ quan chuyên môn khác.

Điều 6. — Tổ chức chi tiết và biên chế của các cơ quan Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh do Bộ trưởng Bộ Nội thương quy định, sau khi có sự đồng ý của Bộ Nội vụ và được Ủy ban kiện toàn tổ chức thông qua.

Điều 7. — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội thương, Bộ Nội vụ, các Ủy ban Hành chính thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 13 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

THÔNG TƯ số 297-TTg ngày 13.6.1958
ban hành bản quy tắc tổ chức tạm thời
hợp tác xã thủ công nghiệp.

Kính gửi: Các Bộ,
Các Ủy ban Hành chính tỉnh,
thành.

Đề giúp những người làm nghề thủ công cá thể tổ chức lại nhằm đẩy mạnh sản xuất và cải thiện đời sống của mình,

Theo đề nghị của Bộ Nội thương,

Thủ tướng phủ ban hành « bản quy tắc tổ chức tạm thời hợp tác xã thủ công nghiệp » trên toàn miền Bắc nước Việt-nam.

Công tác tổ chức hợp tác xã thủ công nghiệp là một công tác mới mẻ ở nước ta trong giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta chưa có kinh nghiệm nhiều. Nên bản quy tắc này mới nêu lên một số nguyên tắc tổ chức để bước đầu giúp thủ công nghiệp cá thể tổ chức lại, chưa thể đề ra những nguyên tắc cụ thể một cách đầy đủ được.

Qua công tác thực tế, sẽ có nhiều vấn đề mới đòi hỏi chúng ta phải đi sâu nghiên cứu để bổ sung bản quy tắc tổ chức tạm thời.

Cán bộ hoạt động cho phong trào hợp tác xã thủ công nghiệp phải hết sức chú trọng mấy vấn đề căn bản sau đây:

1) **Nắm vững nguyên tắc và phương châm.** Việc tổ chức người lao động thủ công cá thể lại, bất cứ dưới hình thức nào đều phải dựa trên nguyên tắc «*tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ*» và theo đúng phương châm «*lịch cực nhưng thận trọng, tiến dần từng bước vững chắc, có lãnh đạo chặt chẽ, tránh nóng vội, hấp tấp, phát triển phải đi đôi với củng cố, hết sức tránh buông lỏng để cho phong trào tự phát*».

2) **Phải linh hoạt cao độ đối với việc chấn chỉnh các tổ chức thợ thủ công hiện có.** Việc tiến hành chấn chỉnh lại các tổ chức hiện đang hoạt động (điều 23 — chương thứ ba trong bản quy tắc) đòi hỏi một mặt phải làm đúng quy tắc tổ chức tạm thời ấn định trong bản quy tắc, một mặt phải căn cứ tình hình cụ thể, thực tế của người thợ thủ công, của các tổ chức thợ thủ công hiện có nhìn thấy và nắm đúng thực chất, không câu nệ về hình thức, có như vậy mới tiến hành việc đưa người lao động thủ công vào con đường hợp tác xã một cách vững chắc, đúng đắn và tốt đẹp.

Bộ Nội thương chịu trách nhiệm giải thích và hướng dẫn các địa phương thi hành bản quy tắc này.

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

QUY TẮC TỔ CHỨC TẠM THỜI CỦA HỢP TÁC XÃ THỦ CÔNG NGHIỆP

CHƯƠNG THỨ NHẤT NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Hợp tác xã thủ công nghiệp là một tổ chức kinh tế tập thể của những người lao động thủ công nghiệp tự nguyện xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nhằm mục đích phát triển sản xuất, cải thiện dân sinh, thực hiện từng bước việc đưa thủ công nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều 2. — Nhiệm vụ căn bản của hợp tác xã thủ công nghiệp là:

Tập hợp, tổ chức những người lao động thủ công nghiệp lại để tiến hành giáo dục chính trị, cải biến lối sản xuất riêng lẻ, lạc hậu, mù quáng và có xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa trong thủ công nghiệp cá thể, thành lối sản xuất tập thể, tiến bộ theo con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, luôn luôn cải tiến kỹ thuật, nâng cao sản xuất, nhằm sản xuất nhanh, nhiều, tốt, giá rẻ, phục vụ thiết thực nền kinh tế quốc dân, cải thiện dần đời sống của người lao động thủ công, tích lũy vốn để mở rộng sản xuất, đồng thời thắt chặt quan hệ với kinh tế quốc doanh và các loại hợp tác xã khác cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều 3. — Hề là người lao động thủ công chuyên nghiệp trực tiếp sản xuất, người thợ học việc và những người làm công lâu ngày trong hợp tác xã như kế toán viên, giữ kho, chữa máy, từ 16 tuổi trở lên, tự nguyện xin tham gia, thì được kết nạp vào tổ sản xuất, hoặc vào hợp tác xã.

Việc xin vào và xin ra tổ sản xuất hoặc hợp tác xã là do tự nguyện, không cưỡng ép, bắt buộc.

Điều 4. — Hợp tác xã thủ công nghiệp phải chấp hành đúng đường lối, chính sách, kế hoạch kinh tế và luật lệ của Nhà nước và phải chịu sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh.

Tài sản của hợp tác xã được Nhà nước bảo hộ. Nhà nước giúp đỡ hợp tác xã bằng cách thông qua Mậu dịch quốc doanh và Hợp tác xã mua bán cung cấp nguyên liệu, thu mua sản phẩm, gia công đặt hàng; bằng cách Ngân hàng cho vay vốn, bằng cách chiếu cõ về mặt thuế khóa và bằng cách công nghiệp quốc doanh hướng dẫn, giúp đỡ cải tiến kỹ thuật. Bản thân hợp tác xã phải phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của xã viên, nỗ lực thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tích lũy vốn để phát triển sản xuất, tránh ỷ lại vào Nhà nước.

Điều 5. — Những người làm nghề thủ công muốn thành lập hợp tác xã theo hình thức nào, đều phải xin phép trước cơ quan phụ trách quản lý thủ công nghiệp tỉnh hoặc thành phố, rồi mới thành lập.

Chương trình, điều lệ của hợp tác xã phải được đại hội xã viên thông qua, được cơ quan Quản lý hợp tác xã cấp trên duyệt và đăng ký ở cơ quan Công thương theo đúng điều lệ đăng ký các loại kinh doanh công thương nghiệp, thì mới được chính thức thi hành.

Hợp tác xã phải xin phép và đăng ký lại trong trường hợp sau đây:

- Thay đổi hình thức tổ chức.
- Thay đổi phạm vi hoạt động và chuyên nghiệp.
- Tạm nghỉ mở lại, nghỉ hẳn, sát nhập hay giải tán.

CHƯƠNG THỨ HAI

CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC XÃ
THỦ CÔNG NGHIỆP

Điều 6. — Phải tùy điều kiện sản xuất cụ thể của từng ngành, nghề trong từng thời gian, và trình độ của những người lao động thủ công, và trên cơ sở tự nguyện mà tổ chức người làm nghề thủ công theo các hình thức như sau :

- Tổ sản xuất,
- Hợp tác xã cung tiêu sản xuất,
- Hợp tác xã sản xuất.

Tổ sản xuất.

Điều 7. — Tổ sản xuất là hình thức thấp, hoạt động theo quy mô nhỏ (mỗi tổ từ 10 hộ trở xuống) nhằm bước đầu tập hợp rộng rãi những người lao động thủ công lại để sản xuất có tổ chức và có kế hoạch. Tùy theo nội dung hoạt động của tổ sản xuất, mà gọi là tổ cung tiêu sản xuất, hay tổ sản xuất hợp tác.

Tổ viên từ chỗ nhận hàng, giao hàng chung trong việc làm gia công cho Mậu dịch quốc doanh, Hợp tác xã mua bán, mua chung nguyên liệu, bán chung sản phẩm theo từng lúc, từng việc, tiến đến thực hiện việc cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và sản xuất theo một kế hoạch thống nhất. Tuy nhiên sản xuất vẫn còn phân tán và công cụ vẫn là của riêng của tổ viên. Tổ này gọi là tổ cung tiêu sản xuất.

Tổ viên vào tổ từ chỗ đi nhận việc về làm chung tiến đến góp công cụ và tiền vốn của mình vào tổ, cùng nhau tiến hành sản xuất tập thể và hưởng thụ theo khả năng lao động. Tổ này tương tự như hợp tác xã sản xuất, nhưng vì ít người nên gọi là tổ sản xuất hợp tác.

Sau khi vào tổ sản xuất, tổ viên không được thuê mượn thêm người làm công việc sản xuất chủ yếu.

Điều 8. — Khi tổ cung tiêu sản xuất hoạt động như mua nguyên liệu, vật liệu cho tổ viên, thì mỗi lần mua, tổ viên góp tiền lại để tổ chức đi mua chung, mua xong đợt nào thanh toán xong đợt ấy.

Điều 9. — Mọi việc của tổ viên đều do tổ viên bàn bạc quyết định, tổ viên phải chấp hành đúng nội quy, nghị quyết, sự phân công của tổ, và mọi hợp đồng, kế ước do tổ ký kết.

Tổ cử ra tổ trưởng, tổ phó để đôn đốc tổ viên làm nhiệm vụ theo sự quy định của tổ và thay mặt tổ viên ký hợp đồng làm gia công cho Mậu dịch quốc doanh, Hợp tác xã mua bán, và giao dịch mua bán với các khách hàng khác trong công việc kinh doanh của tổ.

Tổ sản xuất cần xây dựng quỹ chung, gồm các khoản sau đây :

Tổ phí do tổ viên góp khi vào tổ,

Có thể trích một phần nhỏ trong số thu nhập của tổ viên,

Những món tiền thừa sau mỗi kỳ thanh toán mà tổ viên tán thành bỏ vào quỹ.

Việc đóng góp và sử dụng quỹ chung do hội nghị toàn thể tổ viên quyết định. Việc đóng góp, sử dụng quỹ và phân phối lãi trong tổ sản xuất hợp tác có thể áp dụng theo điều 17 và điều 20 trong phần thứ ba nói về hợp tác xã sản xuất.

Hợp tác xã cung tiêu sản xuất.

Điều 10. — Hợp tác xã cung tiêu sản xuất tập hợp những hộ thủ công cá thể hoặc các tổ sản xuất lại nhằm mua chung nguyên liệu, bán chung sản phẩm, hoặc chung nhau nhận làm gia công cho Mậu dịch quốc doanh, Hợp tác xã mua bán và các cơ quan kinh tế quốc doanh khác theo một kế hoạch sản xuất thống nhất; các xã viên dùng danh hiệu và nhãn hiệu chung của Hợp tác xã để tư liệu sản xuất phần lớn còn là của riêng của xã viên và việc sản xuất làm phân tán từng người hoặc từng nhóm theo quy cách, mẫu mực và sự bố trí chung của Hợp tác xã. Xã viên hưởng thụ theo kết quả lao động, sản xuất của mình. Trong Hợp tác xã cung tiêu, khi cần thiết có thể có một bộ phận sản xuất tập trung, có một số công cụ sản xuất tập thể do Hợp tác xã mua sắm chung.

Điều 11. — Xã viên muốn vào Hợp tác xã cung tiêu sản xuất phải nộp xã phí và góp cổ phần để làm vốn hoạt động cho Hợp tác xã. Khi tiến hành mua chung nguyên liệu, nếu dùng vốn của Hợp tác xã chưa đủ mua, thì xã viên cần góp thêm, mua đủ để tiến hành sản xuất. Số tiền góp thêm này sẽ thanh toán theo từng đợt, mua xong đợt nào, thanh toán xong đợt ấy. Việc đóng xã phí, cổ phần, góp thêm tiền cho Hợp tác xã hoạt động, do đại hội xã viên quyết định.

Xã viên vào Hợp tác xã, không được thuê mượn người làm công tác sản xuất chủ yếu. Đối với người thuê mượn để làm việc phụ và người học nghề, xã viên phải đối xử bình đẳng, thực lòng dạy nghề cho họ và chuyển dần quan hệ thuê mượn, quan hệ thợ cả với học việc thành quan hệ hợp tác tương trợ, giúp đỡ những người ấy trở thành xã viên của Hợp tác xã.

Điều 12. — Để quyết định mọi công việc của Hợp tác xã, xã viên phải họp đại hội xã viên thường kỳ hay bất thường. Đại hội xã viên là cơ quan có quyền cao nhất của Hợp tác xã, có quyền bàn bạc và quyết định mọi công việc quan trọng của Hợp tác xã về các mặt: hình thức tổ chức, nội dung hoạt động, kết nạp hay khai trừ xã viên, sát nhập hay giải tán Hợp tác xã, bầu cử hoặc bãi miễn Ban Quản trị và Ban Kiểm soát.

Xã viên có quyền biểu quyết ngang nhau, thiếu số phực tùng đa số, và phải được quá bán xã viên dự Đại hội thì biểu quyết mới có giá trị thi hành.

Đại hội xã viên thường kỳ cứ 6 tháng họp một lần để tổng kết công tác và quyết định những công việc hoạt động của Hợp tác xã cho thời gian tới. Ngoài ra, sẽ mở đại hội bất thường nếu có hơn nửa số xã viên yêu cầu.

Điều 13. — Đại hội xã viên bầu ra Ban quản trị để quản lý công việc của Hợp tác xã, và thay mặt Hợp tác xã giao dịch với các cơ quan kinh tế quốc doanh, Hợp tác xã mua bán, và khách hàng khác trong phạm vi quyền hạn do đại hội xã viên giao phó.

Ban quản trị phải chịu trách nhiệm trước đại hội xã viên và trước pháp luật về việc quản lý công việc của Hợp tác xã.

Nếu Hợp tác xã đông người và xét cần thiết, có thể bầu ra một ban kiểm soát để kiểm tra sổ sách, tài chính và kiểm tra sự thực hiện các điều lệ của Hợp tác xã và nghị quyết của đại hội xã viên. Những người trong ban kiểm soát nhất thiết không có chân trong Ban quản trị.

Công việc quản lý của Hợp tác xã như: phân công sản xuất, phân phối nguyên liệu, thu hồi thành phẩm, kiểm nghiệm phẩm chất, tổ chức thi đua, học tập chính trị và văn hóa... đều phải đặt thành chế độ sinh hoạt thường xuyên của Hợp tác xã, phải được đại hội xã viên thông qua, và áp dụng cho tất cả xã viên.

Điều 14. — Hợp tác xã cung tiêu sản xuất phải tăng cường việc tích lũy vốn chung để chuẩn bị tiến lên Hợp tác xã sản xuất. Nguồn tích lũy vốn chung gồm có:

- a) Xã phí do xã viên nộp khi vào Hợp tác xã,
- b) Phần đóng góp của xã viên theo số thu nhập của mỗi người,
- c) Những khoản tiền thừa sau mỗi kỳ thanh toán.

Vốn chung là tài sản chung của Hợp tác xã không phân chia được. Vốn này chủ yếu dùng để mở rộng sản xuất; cũng có thể dùng vào việc phúc lợi tập thể cho xã viên. Việc đóng góp và sử dụng quỹ chung do đại hội xã viên quyết định.

Hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp:

Điều 15. — Hợp tác xã sản xuất là hình thức cao để đưa sản xuất thủ công nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hợp tác xã sản xuất do những người thợ thủ công hoặc các tổ sản xuất hợp tác, hợp tác xã cung tiêu sản xuất xây dựng nhằm tiến hành sản xuất tập thể và hưởng thụ theo lao động.

Hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp có thể tổ chức theo hai trình độ:

a) Công cụ sản xuất và tài sản trong Hợp tác xã hoàn toàn là của chung, của tập thể, xã viên hưởng thụ theo lao động, khi thanh toán lỗ lãi, nếu có lãi, sẽ dành một phần để tích lũy vốn chung, một phần chia theo công lao động của mỗi người, và một phần nhỏ bỏ vào quỹ xã hội để dùng vào việc phúc lợi tập thể cho xã viên.

Như vậy, loại Hợp tác xã sản xuất này có tính chất hoàn toàn xã hội chủ nghĩa.

b) Công cụ sản xuất chủ yếu thuộc của chung, sản xuất tập thể, xã viên hưởng thụ theo lao động, những cỗ phần góp vào Hợp tác xã vẫn còn là của riêng của xã viên, khi thanh toán lỗ lãi, nếu có lãi vẫn dành cho các phần: tích lũy vốn, chia cho lao động và bỏ vào quỹ xã hội, còn để một phần nhỏ dành chia lãi cho cỗ phần.

Như vậy, loại Hợp tác xã này có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa.

Điều 16. — Xã viên vào Hợp tác xã phải nộp xã phí và góp cỗ phần để làm vốn cho Hợp tác xã hoạt động.

Xã viên góp tiền xã phí ngang nhau và góp ngay một lần khi vào Hợp tác xã.

Về cỗ phần, thì đại hội xã viên sẽ tùy theo yêu cầu về vốn hoạt động của Hợp tác xã và khả năng đóng góp của xã viên, mà quy định mức đóng góp thích hợp.

Những máy móc, công cụ sản xuất chủ yếu của xã viên, xét thấy tập thể sử dụng có lợi, thì Ban quản trị đề nghị đưa vào Hợp tác xã sử dụng chung, Hợp tác xã sẽ khấu hao và trả dần trong thời hạn nhất định, hoặc xã viên có thể bán cho Hợp tác xã với giá thích đáng. Trường hợp người quá nghèo không có tiền góp cỗ phần, thì có thể dùng các hiện vật đó quy thành cỗ phần góp vào Hợp tác xã.

Điều 17. — Hợp tác xã sản xuất không được thuê mướn người để làm công việc sản xuất chủ yếu. Nếu cần thuê mướn người làm công việc bất thường và công việc sản xuất phụ, thì cũng không được thuê quá 10% tổng số xã viên.

Đối với những thợ học việc và người làm công trong Hợp tác xã, phải có chế độ dạy nghề cho họ (thợ học việc) và được ưu tiên kết nạp vào Hợp tác xã, nếu họ tự nguyện và có đủ điều kiện.

Điều 18. — Công tác quản lý của Hợp tác xã, tổ chức đại hội xã viên, quyền hạn nhiệm vụ của xã viên, của Ban quản trị, của Ban kiểm soát, đều áp dụng đúng theo điều 13.

Điều 19. — Việc quyết toán lỗ lãi của Hợp tác xã, hoặc 6 tháng hoặc một năm làm một lần, và sau khi kết toán, nếu có lãi, thì tùy theo điều kiện cụ thể của từng Hợp tác xã mà chia cho các khoản theo những tỷ lệ sau đây:

- Tích lũy vốn chung từ 40 đến 50%;
- Chia cho lao động không quá 40%;
- Bỏ vào quỹ xã hội từ 10 đến 20%.

Nếu Hợp tác xã còn ở trình độ thứ hai theo điểm b trong điều thứ 15, thì sẽ dành một phần nhỏ chia cho cổ phần, phần lãi cho cổ phần không nên cao quá mức lãi tiền gửi Ngân hàng.

Việc quyết toán lỗ lãi và việc phân phối lãi nói trên phải được đại hội xã viên thông qua.

Việc chia lãi cho lao động căn cứ vào số tiền công của người làm trong Hợp tác xã mà chia chứ không căn cứ vào số xã viên, phần của xã viên thì chia cho xã viên hưởng, còn phần của người làm công, thì bỏ vào quỹ tích lũy vốn chung, chứ người ấy không được hưởng, vì họ chưa phải là xã viên của Hợp tác xã.

Điều 20. — Quỹ tích lũy vốn chung gồm có: tiền xã phí, phần tiền lãi dành lại bỏ vào quỹ chung và các khoản thu nhập do Nhà nước ưu đãi. Quỹ tích lũy vốn là tài sản chung của Hợp tác xã, không phân chia được.

Điều 21. — Do nhu cầu hoạt động có liên quan về nghề nghiệp với nhau, hai Hợp tác xã sản xuất trong một ngành có thể sát nhập thành một Hợp tác xã sản xuất lớn hơn, nếu đại hội xã viên của hai Hợp tác xã đó tán thành, và được cơ quan quản lý Hợp tác xã thủ công nghiệp cấp trên chuẩn y.

Hợp tác xã sản xuất chỉ được giải tán khi đại hội xã viên quyết định và được cơ quan quản lý Hợp tác xã cấp trên cho phép. Khi được phép giải tán, phải thành lập Ban thanh toán do đại hội xã viên cử ra để thanh toán các khoản nợ và tài sản của Hợp tác xã. Sau khi trả xong các món nợ, đối với quỹ chung và quỹ xã hội, nếu còn thừa, thì giao cho cơ quan lãnh đạo Hợp tác xã tỉnh, thành phố, hoặc chính quyền địa phương dùng vào việc công ích.

CHƯƠNG THỨ BA

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 22. — Việc hướng dẫn, giúp đỡ những tổ chức Hợp tác xã thủ công nghiệp hoạt động sẽ do Cục Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh, các Sở, Ty, Quản lý sản xuất công nghiệp tư bản tư doanh và thủ công nghiệp hoặc Ty Công thương (nơi chưa có Ty Quản lý sản xuất riêng) thuộc Bộ Nội thương trực tiếp phụ trách.

Điều 23. — Sau khi bản quy tắc này ban hành, các tổ chức Hợp tác xã thủ công nghiệp, bất cứ dưới hình thức nào, mà trước đây gọi là tập đoàn, hợp đoàn, tổ sản xuất, tổ tập thể... hiện đang hoạt động đều phải nghiên cứu, học tập bản quy tắc

để tiến hành chấn chỉnh lại tổ chức theo đúng bản quy tắc đã ban hành, và phải xin đăng ký kinh doanh lại. Hạn định thời gian chấn chỉnh tổ chức và đăng ký không quá 6 tháng kể từ ngày ban hành bản quy tắc này.

Tổ chức nào thành lập không đúng bản quy tắc này, thì không gọi là Hợp tác xã thủ công nghiệp và không được sự ưu đãi của Nhà nước.

Việc thi hành điều 23 này đòi hỏi, một mặt phải làm đúng quy tắc tổ chức tạm thời ấn định trong bản này, một mặt phải căn cứ tình hình cụ thể, thực tế của người thợ thủ công, của các tổ chức thợ thủ công hiện có, nhìn thấy và nắm đúng thực chất, không câu nệ về hình thức; có như vậy mới tiến hành việc đưa người lao động thủ công vào con đường Hợp tác xã một cách vững chắc, đúng đắn và tốt đẹp.

Điều 24. — Bộ Nội thương có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bản quy tắc này.

Ban hành ngày 13 tháng 6 năm 1958

Kèm theo thông tư số 297-TTg ngày 13-6-1958

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 16-TTLB ngày 7-6-1958
về việc bỏ dần chế độ bán cung cấp ở các xí nghiệp Nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các khu, thành phố và các tỉnh,

Các Ông Giám đốc và Trưởng ty, Trưởng phòng lao động,

Các Ông Giám đốc và Trưởng ty tài chính.

Đồng kính gửi: Các vị Bộ trưởng các Bộ, Tổng liên đoàn lao động Việt-nam.

Nghị định số 182-TTg ngày 7-4-1958 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định ở điều 10 về việc bỏ dần chế độ bán cung cấp ở các xí nghiệp Nhà nước, Liên Bộ ra thông tư này nhằm giải thích và quy định cụ thể để thi hành.

09669891

LawSofte: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapHuc.com